

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỐT NỐT
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2022/HNGĐ – ST.

Ngày: 20-6-2022.

V/v: *Tranh chấp ly hôn.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NỐT - THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Mộng Tuyền.**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Quốc Tuấn.**

2. Ông **Tăng Văn Chín.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đieu Khắc Khanh** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt - thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt - thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông **Võ Hoài Thương** – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 94/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2022 về “*Tranh chấp ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Trần Văn S** - sinh năm 1993. Địa chỉ cư trú: khu vực A, phường B, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ. (có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà **Phạm Thị N** - sinh năm 1993. Địa chỉ cư trú: khu vực C, phường D, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ. (xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 02/11/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Trần Văn S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Phạm Thị N tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2018 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường D, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ vào ngày 18/9/2018. Thời gian đầu chung sống gia đình cũng đầm ấm, hạnh phúc nhưng về sau thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, bà N sống không trung thực và thiếu trách nhiệm với gia đình, không quan tâm, chăm sóc con nên vợ chồng thường xảy ra cãi vã nhau làm cho hạnh phúc gia đình bị đổ vỡ, vì vậy ông bà đã chính thức sống ly thân khoảng 07 đến 08 tháng nay. Từ khi

sống ly thân ông bà không liên lạc với nhau nên đến nay vẫn chưa hàn gắn được tình cảm. Nay ông xác định không còn tình cảm và không thể tiếp tục chung sống với bà N nên ông yêu cầu được ly hôn với bà N.

Về con chung: Ông và bà N chung sống có 01 (một) con chung tên Trần Ngọc Mai A, sinh ngày 28/3/2019, từ khi ly thân đến nay con chung do ông trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn ông yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung cho đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: vợ chồng tự thỏa thuận không đặt vấn đề yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/6/2022 bị đơn bà Phạm Thị N trình bày: Bà thống nhất với ý kiến trình bày của ông Trần Văn S về thời gian chung sống, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, cũng như về thời gian sống ly thân ông S trình bày là đúng. Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, không có sự chia sẻ, tin tưởng lẫn nhau nên thường xảy ra cãi vã. Nhiều lần bà cũng cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng do mỗi người đều giữ chính kiến của bản thân nên đến nay vợ chồng vẫn chưa hàn gắn được tình cảm. Do bà và ông S sống ly thân đã lâu nên hiện nay tình cảm cũng không còn, vì vậy qua yêu cầu ly hôn ông S thì bà cũng đồng ý ly hôn với ông S.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà thống nhất với ý kiến và yêu cầu ông S đã trình bày. Bà không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Đồng thời, do bận đi làm công ty nên bà N yêu cầu được xét xử vắng mặt.

Quá trình giải quyết vụ án bà N có ý kiến yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải nên vụ án được đưa ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn ông S vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu đã trình bày trong quá trình Tòa án thu thập chứng cứ, không bổ sung gì thêm.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán; Hội đồng xét xử; Thư ký và việc chấp hành pháp luật của đương sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử vụ án là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời phát biểu ý kiến và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án như sau:

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Trần Văn S và bà Phạm Thị N.

- Về con chung: Giao cháu Trần Ngọc Mai A, sinh ngày 28/3/2019 hiện do ông S nuôi dưỡng cho ông S được quyền tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), bà N không cấp dưỡng nuôi con cho ông S.

- Về tài sản chung: Các đương sự thống nhất tự thỏa thuận nên không đề cập giải quyết.

- Về nợ chung: Các đương sự xác định không có nên không đề cập giải quyết.

- Về án phí: Nguyên đơn ông S phải nộp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Xét tại phiên tòa, bị đơn bà Phạm Thị N có đơn yêu cầu được xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với bà N theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự là phù hợp.

[2] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết tranh chấp*: Ông Trần Văn S yêu cầu ly hôn với bà Phạm Thị N. Do đó, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Phạm Thị N có địa chỉ cư trú tại khu vực C, phường D, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ. Do đó, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung vụ án*:

[3.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Ông S và bà N chung sống với nhau trên tinh thần tự nguyện từ năm 2018 và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa ông bà là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Trong thời kỳ hôn nhân ông S cho rằng do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, bà N sống không trung thực với ông và thiếu trách nhiệm với gia đình, không quan tâm, chăm lo đến chồng con. Về phía bà N cho rằng do bất đồng quan điểm và vợ chồng sống không có sự tin tưởng, chia sẻ lẫn nhau nên thường xảy ra cự cãi dẫn đến hạnh phúc gia đình bị đổ vỡ nên ông bà đã chính thức sống ly thân khoảng 07 – 08 tháng nay. Từ khi sống ly thân cho đến nay ông bà cũng không còn liên lạc với nhau nên không hàn gắn được tình cảm. Mặc khác, trong quá trình giải quyết vụ án, bà N có ý kiến yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải mà đưa vụ án ra xét xử theo quy định. Từ đó cho thấy bà N đã không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân với ông S và bà cũng không có thiện chí hoà giải hàn gắn tình cảm với ông S. Nhận thấy, mâu thuẫn giữa ông bà đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân đã không đạt được và nay ông S yêu cầu được ly hôn, về phía bà N cũng đồng ý. Do đó, cần công nhận cho ông S và bà N được thuận tình ly hôn theo quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình là phù hợp.

[3.2] *Về con chung*: Ông S và bà N chung sống có 01 (một) con chung tên Trần Ngọc Mai A, sinh ngày 28/3/2019 hiện do ông S đang nuôi dưỡng. Quá trình giải quyết ông bà thỏa thuận giao con chung cho ông S được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành, bà N không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét, đây

là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử công nhận.

[3.3] *Về tài sản chung*: Các đương sự thống nhất tự thỏa thuận không đặt vấn đề yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4] *Về nợ chung*: Các đương sự xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Ông S phải chịu theo quy định pháp luật.

[5] Xét đề nghị giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 51, 53, 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** *Tuyên xử:***

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Trần Văn S và bà Phạm Thị N.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Ngọc Mai A, sinh ngày 28/3/2019 hiện ông S đang nuôi dưỡng cho ông S được quyền nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), bà N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho bà N không ai được quyền cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và quyết định thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Trần Văn S phải nộp số tiền 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) ông S đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004310 ngày 21/3/2022 (*công nhận ông S đã nộp xong án phí*).

4. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt được quyền kháng

cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

5. *Về quyền, nghĩa vụ và thời hạn thi hành án:* Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP Cần Thơ;
- VKSND Q. Thốt Nốt;
- Chi Cục THA DS Q. Thốt Nốt;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Huỳnh Thị Mộng Tuyền

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 09 giờ 20 phút ngày 20 tháng 6 năm 2022.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt – thành phố Cần Thơ.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Mộng Tuyền**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Quốc Tuấn**.

2. Ông **Tăng Văn Chín**.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 94/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn” giữa:

- *Nguyên đơn:* Ông **Trần Văn S** - sinh năm 1993. Địa chỉ cư trú: khu vực A, phường B, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn:* Bà **Phạm Thị N** - sinh năm 1993. Địa chỉ cư trú: khu vực C, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 53, 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Kết quả biểu quyết: 3/3.

*** Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Trần Văn S và bà Phạm Thị N.

+ Kết quả biểu quyết: 3/3.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Ngọc Mai Anh, sinh ngày 28/3/2019 hiện ông S đang nuôi dưỡng cho ông S được quyền nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), bà N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho bà N không ai được quyền cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và quyết định thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con.

+ Kết quả biểu quyết: 3/3.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Trần Văn S phải nộp số tiền 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) ông S đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004310 ngày 21/3/2022 (*công nhận ông S đã nộp xong án phí*).

+ Kết quả biểu quyết: 3/3.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

+ Kết quả biểu quyết: 3/3.

6. Về quyền, nghĩa vụ và thời hạn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

+ Kết quả biểu quyết: 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi 09 giờ 30 phút cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quốc Tuấn

Tăng Văn Chín

Huỳnh Thị Mộng Tuyền